

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SCM VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SCM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SCM VIET NAM SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SCM VN CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109376554

**3. Ngày thành lập:** 14/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 2, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)          | 2817     |
| 2.  | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                           | 2819     |
| 3.  | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                 | 2821     |
| 4.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                          | 2822     |
| 5.  | Sản xuất máy luyện kim                                                                                 | 2823     |
| 6.  | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                  | 2824     |
| 7.  | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                   | 2825     |
| 8.  | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                  | 2826     |
| 9.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                          | 2829     |
| 10. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                             | 3312     |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                | 3320     |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                    | 4651     |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 14. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742     |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                     | 4652     |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                 | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659(Chính) |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |
| 19. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1410        |
| 20. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1392        |
| 21. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1420        |
| 22. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1430        |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641        |
| 24. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4751        |
| 25. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4771        |
| 26. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4782        |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu                                                   | 4649        |
| 28. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4753        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759        |
| 30. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690        |
| 31. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662        |

|     |                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                 | 4663 |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                    | 4752 |
| 34. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                       | 4101 |
| 35. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                 | 4102 |
| 36. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                           | 4211 |
| 37. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                            | 4212 |
| 38. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                | 4221 |
| 39. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                     | 4222 |
| 40. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                      | 4223 |
| 41. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                       | 4229 |
| 42. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                | 4291 |
| 43. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                         | 4292 |
| 44. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                   | 4293 |
| 45. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                              | 4299 |
| 46. | Phá dỡ                                                                                                                                  | 4311 |
| 47. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                       | 4312 |
| 48. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                   | 4321 |
| 49. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                   | 4322 |
| 50. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                          | 4329 |
| 51. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                          | 4330 |
| 52. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                     | 4390 |
| 53. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng và vàng nguyên liệu, Trừ bán lẻ súng đạn, tem và tiền kim khí) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN HUY HOÀN  | Thôn 2, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | 1.350.000.000         | 45,000    | 017159961                                                                                                                                         |         |

|   |                        |                                                                          |               |        |              |  |
|---|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | TRẦN<br>XUÂN<br>TRƯỜNG | Thôn 2, Xã Tam<br>Hiệp, Huyện Phúc<br>Thọ, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | 1.650.000.000 | 55,000 | 001087013826 |  |
|---|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN HUY HOÀN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *20/01/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *017159961*

Ngày cấp: *21/05/2010*

Nơi cấp: *công an Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 2, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn 2, Xã Tam Hiệp, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội